

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng  
Công sở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Công sở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3525/SXD-HĐXD ngày 01/6/2023 và Công văn số 4120/SXD-HĐXD ngày 23/6/2023 về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Công sở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành (kèm theo hồ sơ dự án).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công sở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành với các nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng Công sở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành.

**4. Địa điểm xây dựng:** Trong khuôn viên công sở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa hiện đang quản lý, sử dụng.

**5. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Thành An.

**6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:** Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

**7. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách của xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu**

Đầu tư xây dựng công sở xã theo thiết kế mẫu CSX01 (Theo Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa) và các hạng mục phụ trợ với các giải pháp cụ thể như sau:

#### **8.1. Nhà công sở xã**

a) Phần thân: Theo thiết kế mẫu CSX01 (Theo Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

b) Phần móng: Kết cấu móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200. Tiết diện móng điển hình (1,6x1,8)m và (1,2x1,2)m. Dầm, giằng móng bằng BTCT đá 1x2 mác 200, móng dưới tường xây đá hộc VXM mác 75.

c) Điều chỉnh và bổ sung hồ sơ thiết kế mẫu:

- Thay thế gạch lát nền, sàn các phòng làm việc và hành lang gạch Ceramic 400x400mm thành lát gạch ceramic kích thước 500x500mm. Nền, sàn khu WC thay thế gạch chống trơn kích thước 200x200 thành lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm.

- Bổ sung đường dốc vị trí trục (3-5)(A-B) có cấu tạo gồm: Đất tôn nền, bê tông đá 4x6 mác 150 dày 100mm, VXM mác 75 dày 20mm, lát gạch tezzazo kích thước 400x400mm. Lan can sắt D60x1,9mm và D90x1,9mm sơn màu ghi.

#### **8.2. Các công trình phụ trợ**

a) Nhà bảo vệ:

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 3,0x3,0m; chiều cao nhà tính từ cos 0,00m đến cos đỉnh mái là 4,0m (chiều cao nhà là 3,0m; mái lợp tôn cao 1,0m). Tường xây gạch không nung. Tường, trần lãn sơn trực tiếp. Nền lát gạch Ceramic kích thước 500x500mm. Hệ thống cửa

đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ.

Phần móng sử dụng giải pháp móng đá hộc VXM mác 75. Dầm, giằng, móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Kết cấu nhà tường chịu lực. Hệ dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ.

b) Bể nước ngầm: Bể nước ngầm có kích thước (6,22x6,22x2,9)m. Kết cấu bể khung BTCT và xây tường. Dầm móng tiết diện (220x400)mm; giằng giữa tường và đỉnh tường tiết diện (220x300)mm; cột (220x220)mm; đáy bể và nắp bể BTCT dày 150mm.

c) Nhà để máy bơm:

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước (3,0x4,0)m; chiều cao nhà tính từ cos 0,00m đến cos đỉnh mái là 4,0m (chiều cao nhà là 3,0m; mái lợp tôn cao 1,0m). Tường xây gạch không nung. Tường, trần lãn sơn trực tiếp. Nền lát gạch Ceramic kích thước 500x500mm. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép.

Phần móng sử dụng giải pháp móng đá hộc VXM mác 75. Dầm, giằng, móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Kết cấu nhà tường chịu lực. Hệ dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình (220x300)mm. Sàn BTCT dày 100mm.

d) Hạ tầng kỹ thuật, tường rào:

- Hệ thống thoát nước ngoài nhà: sử dụng hệ thống hố ga, rãnh thoát nước. Rãnh thoát nước rộng 300mm (lòng rãnh), dài 100,0m; hố ga kích thước (800x800)mm (lòng hố). Tấm đan hố ga, rãnh thoát nước bằng BTCT đá 1x2 mác 200 dày 80mm.

- Sân bê tông làm mới có cấu tạo: Bê tông đá 1x2 mác 200 dày 120mm; lớp nilon tái sinh chống mất nước, cát tạo phẳng 10cm, đất san nền hiện trạng. Cắt khe co giãn 5x5m.

- Tường rào xây mới xây gạch không nung VXM mác 50. Tường rộng 110mm, cao 1,8m. Trụ hàng rào kích thước (330x330)mm cao 2,05m xây gạch, 30m bố trí một khe lún. Móng sử dụng móng đá hộc VXM mác 75.

**9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 6.621.313.000 đồng; trong đó:**

- Chi phí xây dựng	:	5.530.208.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	138.597.067	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	543.829.048	đồng;
- Chi phí khác	:	93.378.520	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	315.300.632	đồng.

*(có phụ lục chi tiết kèm theo).*

**10. Nguồn vốn:** Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí đầu tư hạng mục nhà làm

việc và các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật khác không quá 5 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách huyện Thạch Thành và các nguồn huy động hợp pháp khác (1,7 tỷ đồng) bố trí để đầu tư phần còn lại.

**11. Hình thức quản lý dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

**12. Thời gian thực hiện:** Năm 2023-2024.

**13. Các nội dung khác:** Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3525/SXD-HĐXD ngày 01/6/2023.

**Điều 2.** Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Trước khi triển khai thực hiện dự án, UBND huyện Thạch Thành rà soát đảm bảo xã Ngọc Trạo không thuộc diện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; hướng dẫn, giám sát UBND xã Ngọc Trạo công tác quản lý tài sản công (trụ sở cơ quan) theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN. (ĐA\_M62)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG****Dự án: Công sở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)**Đơn vị: Đồng*

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền		
		Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>5.027.461.818</b>	<b>502.746.182</b>	<b>5.530.208.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>138.597.067</b>		<b>138.597.067</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD</b>	<b>497.565.545</b>	<b>46.263.503</b>	<b>543.829.048</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	61.246.296	4.899.704	66.146.000
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	2.493.949	199.516	2.693.465
3	Chi phí kiểm định xây dựng	80.775.000	6.462.000	87.237.000
4	Chi phí lập BC KTKT phần TK mẫu	58.107.979	5.810.798	63.918.777
5	Chi phí lập BC KTKT phần TK mới	86.524.107	8.652.411	95.176.517
6	Chi phí thẩm tra thiết kế	7.882.203	788.220	8.670.423
7	Chi phí thẩm tra dự toán	7.637.793	763.779	8.401.573
8	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT XL	21.718.635	2.171.864	23.890.499
9	Chi phí giám sát thi công XD	165.152.121	16.515.212	181.667.333
10	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu XL	5.027.462		5.027.462
11	Chi phí mua thiết kế mẫu phần thân	1.000.000		1.000.000
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>87.295.505</b>	<b>6.083.015</b>	<b>93.378.520</b>
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	8.257.606		8.257.606
2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư XDCT	1.257.990		1.257.990
3	Chi phí bảo hiểm công trình	4.021.969	402.197	4.424.166
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	16.949.760		16.949.760
5	Chi phí kiểm toán	56.808.180	5.680.818	62.488.998
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>			<b>315.300.632</b>
1	Phát sinh khối lượng			315.300.632
	<b>TỔNG CỘNG (làm tròn)</b>			<b>6.621.313.000</b>